QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Được kiểm toán bởi:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KMF

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH

MỤC LỤC **Trang**

1.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3.	BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	06 - 07
4.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
5.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
6.	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 21

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi tắt là 'Quỹ') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh thực hiện chức năng nhận vốn từ Ngân sách Nhà nước, vốn tài trợ, viện trợ, huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với các dự án Môi trường cho các chương trình dự án về phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, qua đó góp phần cải thiện chất lượng môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của địa phương.

Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ được duyệt theo Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 04 tháng 04 năm 2014 là 20.000.000.000 đồng số vốn thực nhận từ ngân sách nhà nước như sau:		
+ Quyết định số 2670/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2013	5.000.000.000	đồng
- Vốn điều lệ được bổ sung theo:		
+ Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2016 là:	6.000.000.000	đồng
+ Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2016 là:	9.000.000.000	đồng
- Vốn bổ sung kinh phí:		
+ Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2014 là:	4.000.000.000	đồng
+ Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2015 là:	5.000.000.000	đồng
+ Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2017 là:	4.000.000.000	đồng
+ Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2022 là:	8.943.722.563	đồng
Tổng cộng	**41.943.722.563**	**đồng**
Vốn điều lệ Ngân sách thực cấp	**41.943.722.563**	**đồng**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 1 hẻm 21A, đường 30/4, khu phố 1, phường 1, TP.Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 0276 3813 664

Mã số thuế: 3 9 0 0 3 7 0 7 2 1 - 003

Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Quỹ

Hội đồng quản lý:	**Chức vụ**
- Ông Trần Văn Chiến	Chủ tịch
- Ông Lương Minh Trí	Phó chủ tịch
- Ông Kiều Công Minh	Ủy viên
- Ông Văn Tiến Dũng	Ủy viên
- Bà Hồng Lê Minh Nguyệt	Ủy viên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát	Chức vụ	
- Bà Nguyễn Việt Anh Thư	Trưởng ban	
- Ông Trần Khắc Phục	Thành viên	
- Ông Hoàng Văn Nam	Thành viên	

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:	Chức vụ	
- Ông Lương Minh Trí	Giám đốc	
- Ông Đàm Văn Cường	Phó Giám đốc	
- Bà Nguyễn Thị Lộc	Kế toán trưởng	thôi đảm nhiệm từ 26/11/2024
- Bà Huỳnh Thị Hồng Mỹ	Phụ trách kế toán	bổ nhiệm từ 26/11/2024

Lĩnh vực hoạt động

Đầu tư tài chính

Ngành nghề hoạt động

Cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với các dự án đầu tư cho các chương trình dự án về phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, qua đó góp phần cải thiện chất lượng môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của địa phương.

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Giám đốc Quỹ, đến kết quả hoạt động của Quỹ trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn KMF được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Quỹ.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính năm 2024. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Quỹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Quỹ đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Quỹ cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc

Lương Minh Trí
Giám đốc

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KMF
162C Trường Chinh, phường 12, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Email: kmfaudit@kmf-audit.com.vn MST: 0313389088

Số 19/2025/BCKiTTC-KMF

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản lý và Ban Giám đốc
Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh, được lập ngày 28 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc

Ban Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.06 tại thời điểm 31/12/2024 tồn tại các khoản nợ phải trả về ký quỹ phục hồi môi trường phát sinh từ nhiều năm trước với số tiền 33.833.693.217 đồng, đến thời điểm thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, Quỹ không nhận được thư xác nhận từ các khoản nợ phải trả này do đã gửi thư xác nhận nhưng không nhận được phản hồi. Với các tài liệu hiện có, chúng tôi không thể thực hiện được thủ tục kiểm toán nào khác để xác định tính hiện hữu và đầy đủ của số dư này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ảnh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN KMF

Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Trần Minh Bảo	**Dương Nữ Huệ Phương**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2025-243-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 6834-2024-243-1

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN (100+110+120+130+140+150+160+170)	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2024	TẠI NGÀY 01/01/2024
A-TÀI SẢN	**100**		**104.595.673.853**	**97.241.094.157**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**14.639.151.758**	**37.440.953.248**
1. Tiền	111	V.1	212.151.758	23.800.203
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.427.000.000	37.417.153.045
II. Các khoản đầu tư	**120**	**V.2**	**89.956.522.095**	**59.800.140.909**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**121**	**V.2.1**	**82.629.956.686**	**57.102.000.000**
a. Tiền gửi có kỳ hạn	121a		82.629.956.686	57.102.000.000
2. Cho vay	**122**	**V.2.2**	**7.326.565.409**	**2.698.140.909**
a. Cho vay	122a		7.381.929.883	2.718.529.883
b. Dự phòng rủi ro cho vay (*)	122b		(55.364.474)	(20.388.974)

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

B- NỢ PHẢI TRẢ	**200**		**56.303.690.455**	**50.787.049.454**
II. Các khoản phải trả	**220**		**56.303.690.455**	**50.787.049.454**
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	223	V.3	8.594.600	38.640.988
2. Phải trả khác	228	V.4	322.087	-
3. Nhận ký quỹ phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản	229	V.5	49.079.223.358	44.584.554.830
4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	232		27.235.366	-
4. Phải trả lãi ký quỹ phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản và nhập khẩu phế liệu	235	V.6	7.188.315.044	6.163.853.636
C- VỐN CHỦ SỞ HỮU	**300**	**V.7**	**48.291.983.398**	**46.454.044.703**
1. Vốn Ngân sách nhà nước	311		33.000.000.000	33.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	312		8.943.722.563	8.943.722.563
2. Quỹ đầu tư phát triển	314		4.483.086.774	2.694.042.929
4. Thu nhập chưa phân phối	315		1.865.174.061	1.816.279.211
- Thu nhập chưa phân phối kỳ này	*315b*		1.865.174.061	1.816.279.211
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (330 = 200+300)	**330**		**104.595.673.853**	**97.241.094.157**

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TÂY NINH

Trần Thị Kim Hường	**Huỳnh Thị Hồng Mỹ**	**Lương Minh Trí**
Người lập biểu	**Phụ trách kế toán**	**Giám đốc**

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2024	NĂM 2023
1. Thu nhập lãi thuần	**01**	V.01	**2.521.951.423**	**2.396.706.885**
1.1. Doanh thu thuần lãi tiền gửi, lãi cho vay	02		3.716.433.779	6.089.999.411
1.2. Chi phí hoạt động nghiệp vụ	03		1.194.482.356	3.693.292.526
2. Thu nhập thuần từ hoạt động ủy thác cho vay	**04**		-	-
2.1. Thu thuần hoạt động ủy thác cho vay	05		-	-
2.2. Chi phí hoạt động nhận ủy thác	06		-	-
3. Thu nhập thuần từ hoạt động khác	**07**		-	-
3.1. Doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ khác	08		-	-
3.2. Chi phí hoạt động nghiệp vụ khác	09		-	-
4. Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính	**10**		-	-
4.1. Doanh thu từ hoạt động tài chính	11		-	-
4.2. Chi phí tài chính	12		-	-
5. Chi phí quản lý hoạt động kinh doanh	**13**	V.02	**564.364.390**	**467.938.791**
6. Thu nhập thuần khác	**14**		-	-
6.1. Thu nhập thuần từ hoạt động khác	15	V.03	-	-
6.2. Chi phí khác	16		-	-
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước dự phòng rủi ro cho vay (20 = 01 + 04 + 07 - 10 - 13 + 14)	**20**		**1.957.587.033**	**1.928.768.094**
8. Chi phí dự phòng rủi ro cho vay	30	V.04	34.975.500	7.941.314
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (40 = 20 - 30)	**40**		**1.922.611.533**	**1.920.826.780**
10. Chi phí thuế TNDN	**50**	V.05	57.437.472	104.547.569
11. Tổng thu nhập kế toán (60=40-50)	**60**		**1.865.174.061**	**1.816.279.211**

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TÂY NINH

Trần Thị Kim Hường	Huỳnh Thị Hồng Mỹ	Lương Minh Trí
Người lập biểu	**Phụ trách kế toán**	**Giám đốc**

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Phương pháp gián tiếp) *Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**1.922.611.533**	**1.920.826.780**
- Các khoản dự phòng	03		34.975.500	7.941.314
Những thay đổi về tài sản và nợ phải trả			**1.957.587.033**	**1.928.768.094**
Những thay đổi về tài sản				
- Tăng, giảm tiền cho vay	05		(4.663.400.000)	3.505.300.000
Những thay đổi về nợ phải trả				
- Tăng, giảm tiền ký quỹ phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản	11		4.494.668.528	8.118.229.870
- Tăng, giảm các khoản phải trả người bán, người lao động, phải trả khác	15		964.535.001	3.502.044.526
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		77.483.420.617	133.737.461.094
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(103.038.612.669)	(126.523.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(22.801.801.490)**	**24.268.803.584**
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**40**		**-**	**-**
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**50**		**-**	**-**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**60**		**(22.801.801.490)**	**24.268.803.584**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**70**		**37.440.953.248**	**13.172.149.664**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	71		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**80**		**14.639.151.758**	**37.440.953.248**

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu	Phụ trách kế toán	Giám đốc
Trần Thị Kim Hường	**Huỳnh Thị Hồng Mỹ**	**Lương Minh Trí**

1. Hình thức sở hữu vốn

Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh thực hiện chức năng nhận vốn từ Ngân sách Nhà nước, vốn tài trợ, viện trợ, huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với các dự án Môi trường cho các chương trình dự án về phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, qua đó góp phần cải thiện chất lượng môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của địa phương.

Hình thức sở hữu vốn: 100% vốn Nhà nước

Trụ sở đặt tại: Số 1 hẻm 21A, đường 30/4, khu phố 1, phường 1, TP.Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

2. Lĩnh vực hoạt động: Đầu tư tài chính

3. Ngành nghề hoạt động:

Cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với các dự án đầu tư cho các chương trình dự án về phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường, qua đó góp phần cải thiện chất lượng môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của địa phương.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Đơn vị không quá 12 tháng

5. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 Quỹ có 23 người.

6. Đặc điểm hoạt động của Quỹ trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

Trong năm tài chính hiện hành những hoạt động của Quỹ không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

7. Cấu trúc của Quỹ

- Quỹ không có các đơn vị phụ thuộc và công ty liên doanh, liên kết;

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Chế độ kế toán của Quỹ áp dụng theo Thông tư số 317/2016/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính. Đối với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chưa được quy định trong Chế độ kế toán nêu trên, Quỹ đã vận dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán có liên quan.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán hiện hành và các văn bản hướng dẫn do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng;

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Các khoản phải thu cho vay đầu tư bằng vốn lưu động

Các khoản cho vay ngắn hạn là khoản cho vay có thời hạn dưới 1 năm.

Các khoản cho vay trung hạn là khoản cho vay có thời hạn từ 1 năm đến 3 năm.

Các khoản cho vay dài hạn là khoản cho vay có thời hạn trên 3 năm.

3. Dự phòng rủi ro tín dụng

Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được trích theo Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2024 của Chính phủ về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái và Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 13 tháng 06 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh.

4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh mà thời gian hữu dụng của nó kéo dài trong nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

Phương pháp phân bổ : đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính

5. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là Quỹ sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

6. Vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Quỹ bao gồm :

Vốn Ngân sách Nhà nước cấp ghi theo số thực nhận

Vốn khác: hình thành bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

7. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 13 tháng 06 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh và Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt báo cáo tài chính và trích quỹ năm 2023.

8. Doanh thu và thu nhập khác

Quỹ ghi nhận doanh thu, thu nhập trên cơ sở thực thu.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Quỹ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp trực tiếp cho hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ

1. Tiền và các khoản tương tương tiền	**31/12/2024**	**01/01/2024**
Tiền mặt tại quỹ	-	-
- Tiền mặt tại quỹ VNĐ	-	-
Tiền gửi ngân hàng VND	**212.151.758**	**23.800.203**
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Tây Ninh	4.579.213	4.579.213
- Ngân hàng Vietinbank - CN Tây Ninh	139.180.995	10.673.701
- Ngân hàng Agribank - CN Tây Ninh	41.089.200	1.501.616
- Ngân hàng BIDV - CN Tây Ninh	1.530.050	-
- Ngân hàng Sacombank - CN Tây Ninh (Tiền ký quỹ)	-	7.045.473
- Ngân hàng Agribank - CN Tây Ninh DMC	-	200
- Ngân hàng Agribank - CN Tây Ninh DMC (Tiền ký quỹ)	25.772.300	-

Các khoản tương đương tiền	**14.427.000.000**	**37.417.153.045**
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Tây Ninh DM	-	7.629.672.400
- Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn - CN Tây Ninh	-	4.568.480.645
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Tây Ninh	14.427.000.000	25.219.000.000
Tổng cộng	**14.639.151.758**	**37.440.953.248**

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư

2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tiền gửi có kỳ hạn (*)				
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Tây Ninh	-	-	12.659.000.000	12.659.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Ninh	46.405.644.035	46.405.644.035	37.018.000.000	37.018.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn - CN Tây Ninh	11.996.515.550	11.996.515.550	7.425.000.000	7.425.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn - CN Dương Minh Châu	3.742.111.900	3.742.111.900	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển TP.HCM - CN Tây Ninh	20.485.685.201	20.485.685.201	-	-
Tổng cộng	**82.629.956.686**	**82.629.956.686**	**57.102.000.000**	**57.102.000.000**

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng và 12 tháng

2.2 Cho vay

	31/12/2024		01/01/2024	
	Gốc cho vay	Giá trị có thể thu hồi	Gốc cho vay	Giá trị có thể thu hồi
2.2.1. Hình thức cho vay	**7.381.929.883**	**7.381.929.883**	**2.718.529.883**	**2.718.529.883**
- Quỹ trực tiếp cho vay	7.381.929.883	7.381.929.883	2.718.529.883	2.718.529.883
Tổng cộng	**7.381.929.883**	**7.381.929.883**	**2.718.529.883**	**2.718.529.883**

2.2.2. Phân tích chất lượng dư nợ cho vay	31/12/2024	01/01/2024
- Nợ trong hạn (*)	7.381.929.883	2.718.529.883
- Nợ quá hạn (**)	-	-
Tổng cộng	**7.381.929.883**	**2.718.529.883**

Trong đó:

(*) Nợ trong hạn bao gồm:	31/12/2024	01/01/2024
- Công ty TNHH MTV Môi Trường Xanh Huê Phương VN	7.381.929.883	2.098.529.883
- Trương Thị Ngoan	-	69.500.000
- Võ Hoàng Khải	-	550.500.000
Tổng cộng	**7.381.929.883**	**2.718.529.883**

2.2.3 Phân tích dư nợ cho vay theo thời gian	31/12/2024	01/01/2024
- Nợ dài hạn	7.381.929.883	2.718.529.883
Tổng cộng	**7.381.929.883**	**2.718.529.883**

2.2.4. Dự phòng rủi ro cho vay

a Dự phòng chung	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	20.388.974	12.447.660
- Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	59.598.000	7.941.314
- Hoàn nhập dự phòng cho vay	(24.622.500)	-
Số dư cuối năm	**55.364.474**	**20.388.974**

3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2024
- Thuế TNDN	6.521.828	57.437.472	88.519.162	37.603.518
- Thuế TNCN	2.072.772	20.227.320	19.192.018	1.037.470
Tổng cộng	**8.594.600**	**77.664.792**	**107.711.180**	**38.640.988**

4. Phải trả khác	31/12/2024	01/01/2024
- Phải trả khác lãi cho vay	322.087	-
Tổng cộng	**322.087**	**-**

5. Nhận ký quỹ phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản	31/12/2024	01/01/2024
- Ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	49.079.223.358	44.584.554.830
Tổng cộng	**49.079.223.358**	**44.584.554.830**

(*) Khoản ký quỹ của các cá nhân và đơn vị để phục hồi bảo vệ môi trường từ năm 2009 đến 31/12/2024:

- Công ty CP Vật Liệu và XD TN GP 17	2.103.839.298	2.103.839.298
- Công ty CP Ximăng Fico Tây Ninh	7.820.040.910	6.763.203.177
- Công ty CP Khai Thác Khoáng Sản TN	1.056.023.986	1.056.023.986
- Công ty TNHH MTV SLMB Đình Nhi	1.933.149.702	1.933.149.702
- DNTN Nhật Minh	179.774.469	179.774.469
- Công ty CP Khoáng Sản Fico TN	1.643.454.661	1.643.454.661
- Công ty TNHH Phước Hải Lộc	565.084.381	525.945.450
- DNTN An Ngọc/ Công ty TNHH MTV Thanh Danh	482.243.049	482.243.049
- Công ty TNHH Hiệp Thuận Tây Ninh	558.516.000	558.516.000
- DNTN Minh Khánh	604.227.117	545.181.865
- Công ty TNHH Hồng Mạnh	94.121.235	627.474.898
- Công ty TNHH KTKS Thạnh Bình	950.562.918	950.562.918
- DNTN Xăng dầu Yến Khang	473.029.504	473.029.504
- Công ty TNHH Hiệp Hòa Lợi	858.646.688	643.985.016
- Công ty TNHH MTV Mỹ Khánh	583.412.503	583.412.503
- DNTN Nguyễn Thị Kim Nhung	1.599.660.428	1.599.660.428
- DNTT Duy Chinh	549.388.621	498.095.229
- Công ty TNHH Ngọc Nữ Tây Ninh	575.801.872	575.801.872
- Các đối tượng khác	26.448.246.016	22.841.200.805
Tổng cộng	**49.079.223.358**	**44.584.554.830**

6. Phải trả lãi ký quỹ phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản và nhập khẩu phế liệu	31/12/2024	01/01/2024
- Phải trả lãi tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường	7.188.315.044	6.163.853.636
Tổng cộng	**7.188.315.044**	**6.163.853.636**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

7.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023	**41.943.722.563**	**-**	**1.753.694.005**	**940.348.924**	**44.637.765.492**
Tăng vốn năm trước			940.348.924		940.348.924
Giảm vốn năm trước					-
Lãi trong năm trước				1.816.279.211	1.816.279.211
Trích quỹ từ LN sau thuế				(940.348.924)	(940.348.924)
Số dư tại ngày 31/12/2023	**41.943.722.563**	**-**	**2.694.042.929**	**1.816.279.211**	**46.454.044.703**
Tăng năm nay			1.789.043.845		1.789.043.845
Giảm năm nay					-
Lãi trong năm				1.865.174.061	1.865.174.061
Tăng vốn điều lệ					-
Nộp về chủ sở hữu					-
Trích quỹ từ LN sau thuế				(1.816.279.211)	(1.816.279.211)
Số dư tại ngày 31/12/2024	**41.943.722.563**	**-**	**4.483.086.774**	**1.865.174.061**	**48.291.983.398**

7.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2024	01/01/2024
- Vốn góp của Nhà nước	**41.943.722.563**	**41.943.722.563**

7.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:	Năm 2024	Năm 2023
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	41.943.722.563	41.943.722.563
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	**41.943.722.563**	**41.943.722.563**

7.4 Quỹ đầu tư phát triển	Năm 2024	Năm 2023
- Số dư đầu năm	2.694.042.929	1.753.694.005
Tăng trong năm	1.789.043.845	940.348.924
- Số dư cuối năm	**4.483.086.774**	**2.694.042.929**

9. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

9.1 Tài sản nhận thế chấp, cầm cố, bảo đảm nợ của KH	31/12/2024	01/01/2024
- Chứng khoán và giấy tờ có giá	3.277.777.779	3.277.777.779
- Bất động sản	15.155.578.080	15.155.578.080
Tổng cộng	**18.433.355.859**	**18.433.355.859**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Thu nhập lãi thuần	Năm 2024	Năm 2023
1.1 Doanh thu thuần lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.716.433.779	6.089.999.411
1.2 Chi phí hoạt động nghiệp vụ	1.194.482.356	3.693.292.526
Tổng cộng	**2.521.951.423**	**2.396.706.885**

2. Chi phí quản lý hoạt động kinh doanh	Năm 2024	Năm 2023
- Chi phí nhân viên quản lý	304.356.617	166.441.463
- Chi phí vật liệu quản lý	-	231.660
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;	200.000	1.200.000
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác.	259.807.773	300.065.668
Tổng cộng	**564.364.390**	**467.938.791**

3. Thu nhập thuần khác	Năm 2024	Năm 2023
- Thu nhập thuần từ hoạt động khác	-	-
Tổng cộng	-	-

4. Chi phí dự phòng rủi ro cho vay	Năm 2024	Năm 2023
- Chi phí dự phòng rủi ro cho vay	59.598.000	7.941.314
Tổng cộng	**59.598.000**	**7.941.314**

5. Chi phí thuế TNDN	Năm 2024	Năm 2023
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.922.611.533	1.920.826.780
- Thu nhập chịu thuế (lãi tiền gửi ngân hàng)	1.148.749.442	2.090.951.321
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	5%	5%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**57.437.472**	**104.547.569**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Quỹ Bảo vệ môi trường quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Quỹ Bảo vệ môi trường vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Quỹ Bảo vệ môi trường áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số V.01

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.639.151.758	-	37.440.953.248	-
Các khoản đầu tư	7.381.929.883	(55.364.474)	2.718.529.883	(20.388.974)
Tổng cộng	**22.021.081.641**	**(55.364.474)**	**40.159.483.131**	**(20.388.974)**

Công nợ tài chính	31/12/2024	01/01/2024
Các khoản phải trả	56.303.690.455	50.787.049.454
Tổng cộng	**56.303.690.455**	**50.787.049.454**

Quỹ Bảo vệ môi trường chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

2. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Quỹ Bảo vệ môi trường xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Quỹ Bảo vệ môi trường phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ảnh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Quỹ Bảo vệ môi trường sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Đối với Quỹ Bảo vệ môi trường Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

Quản lý rủi ro lãi suất

Quỹ Bảo vệ môi trường chịu rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Quỹ Bảo vệ môi trường được hưởng hoặc phải trả cho các khoản nợ ký quỹ. Quỹ Bảo vệ môi trường quản lý rủi ro bằng việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để tối đa hoá lãi suất có lợi cho Quỹ Bảo vệ môi trường và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro. Ban giám đốc đánh giá rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Quỹ Bảo vệ môi trường. Quỹ Bảo vệ môi trường có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Quỹ Bảo vệ môi trường có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các rủi ro tín dụng chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác của Quỹ Bảo vệ môi trường.

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Quỹ Bảo vệ môi trường được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Quỹ Bảo vệ môi trường tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Quỹ Bảo vệ môi trường là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Quỹ Bảo vệ môi trường duy trì mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thoả thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sơm nhất mà Quỹ Bảo vệ môi trường phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Quỹ Bảo vệ môi trường phải trả.

Tại ngày 31/12/2024

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	**Cộng**
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.639.151.758	-	14.639.151.758
Các khoản đầu tư	82.629.956.686	7.326.565.409	89.956.522.095
Tổng cộng	**97.269.108.444**	**7.326.565.409**	**104.595.673.853**

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	**Cộng**
Các khoản phải trả	8.916.687	56.267.538.402	56.276.455.089
Tổng cộng	**8.916.687**	**56.267.538.402**	**56.276.455.089**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**97.260.191.757**	**(48.940.972.993)**	**48.319.218.764**

Tại ngày 01/01/2024

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.440.953.248	-	37.440.953.248
Các khoản đầu tư	57.102.000.000	2.698.140.909	59.800.140.909
Tổng cộng	**94.542.953.248**	**2.698.140.909**	**97.241.094.157**

Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Các khoản phải trả	38.640.988	50.748.408.466	50.787.049.454
Tổng cộng	**38.640.988**	**50.748.408.466**	**50.787.049.454**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**94.504.312.260**	**(48.050.267.557)**	**46.454.044.703**

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Ông Trần Văn Chiến	Chủ tịch
- Ông Lương Minh Trí	Phó chủ tịch kiêm Giám đốc
- Ông Kiều Công Minh	Ủy viên
- Ông Văn Tiến Dũng	Ủy viên
- Bà Hồng Lê Minh Nguyệt	Ủy viên
- Bà Nguyễn Việt Anh Thư	Trưởng ban
- Ông Trần Khắc Phục	Thành viên Ban KS
- Ông Hoàng Văn Nam	Thành viên Ban KS
- Ông Đàm Văn Cường	Phó Giám đốc

4. Thu nhập của Hội đồng quản lý, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Năm 2024	Năm 2023
Thu nhập	246.756.617	85.561.983

5. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2024 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025

Trần Thị Kim Hường	Huỳnh Thị Hồng Mỹ	Lương Minh Trí
Người lập biểu	**Phụ trách kế toán**	**Giám đốc**